TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/DS-ST
Ngày 29 - 7 - 2025
V/v "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lê Văn Chi

2.Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST - DS, ngày 18 tháng 2 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2025/QĐXXST - DS, ngày 27 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; Địa chỉ: A, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Đặng Thanh D – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C; địa chỉ: khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là khu phố C, xã G, tỉnh An Giang) theo văn bản ủy quyền số 4716/2016/QĐ-NHCS, ngày 25/11/2016.

Người được ủy quyền lại: Ông Danh T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C; địa chỉ: khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là khu phố C, xã G, tỉnh An Giang) theo văn bản ủy quyền số 255/QĐ-PGD, ngày 06/11/2023.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng D1; sinh năm: 1973; bà Đào Kim T2, sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh K (Nay là ấp N, xã G, tỉnh An Giang).

(Ông T1 có mặt, ông D2 - bà T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2024 và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng C trình bày: Gia đình ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 có giấy đề nghị vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C gồm 02 khoản vay:

+ Theo hợp đồng vay vốn khoản vay học sinh sinh viên, tiền gốc 38.500.000 đồng, giải ngân nhiều đợt; Đợt 1 ngày 22/11/2015 giải ngân 11.000.000 đồng; Đợt 2 ngày 22/10/2016 giải ngân 12.500.000 đồng; Đợt 3 ngày 22/10/2017 giải ngân 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Thời hạn vay 54 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng 22/5/2020. Kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần. Số tiền trả nợ 5.500.000 đồng/lần. Tính đến ngày 18/6/2025 tổng số lãi 23.327.837 đồng, ông D1 và bà T2 đã đóng lãi được 16.543.358 đồng.

+ Hợp đồng vay vốn khoản vay hộ cận nghèo giải ngân vào ngày 22/6/2014, số tiền gốc 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,72%/tháng, lãi quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Thời hạn 58 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 22/4/2019. Quá trình vay thì ông D1, bà T2 đã trả dần số tiền gốc tính đến ngày 22/10/2021 số tiền gốc còn 7.000.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 18/6/2025 là 7.613.640 đồng, đã trả lãi được 3.372.230 đồng.

Cho đến ngày 22/5/2022 ông Lê Hoàng D1 có đơn xin gia hạn đối với khoản vay sinh viên; ngày 22/4/2021 bà Đoàn Kim T2 có đơn xin gia hạn đối với khoản vay hộ cận nghèo và được chấp nhận. Nhưng kể từ đó cho đến nay thì ông D1, bà T3 không trả gốc và lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T2 và ông D1 trả cho Ngân hàng các khoản vay cụ thể: Khoản vay sinh viên số tiền gốc 38.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/7/2025 là: 6.784.479 đồng; khoản vay hộ cận nghèo số tiền gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/7/2025 là: 4.328.770 đồng. Tổng cộng 02 khoản vay gốc và lãi là: 56.613.249 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng). Đồng thời, yêu cầu trả tiền lãi phát sinh sau ngày 30/7/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và

lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Thời hạn đưa ra xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang nhận thấy: Ông D1 và bà T2 có vay vốn của Ngân hàng C - phòng giao dịch huyện C gồm 02 khoản vay gồm: Khoản vay sinh viên và được giải ngân 38.500.000 đồng; khoản vay hộ cận nghèo số tiền 10.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng đến hạn trả nợ Ngân hàng cũng đã cho thời gian đáo hạn nợ vay nhưng ông D1, bà T2 không thực hiện đúng như cam kết và dẫn đến quá hạn không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông D1, bà T2 phải thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Về án phí: Ông D1, bà T2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

{1.1} *Về thẩm quyền*: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 phải thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đề nghị vay vốn thuộc đối tượng hộ cận nghèo và khoản vay cho sinh viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, đểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

{1.2} *Về sự có mặt của đương sự*: Ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 là bị đơn đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông D1, bà T2 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử xử vắng mặt đối với ông D1, bà T2.

[2] *Về nội dung:*

{2.1} Vào ngày 22/6/2014 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C đã phê duyệt, đồng ý cho Đào Kim T2 vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của Ngân hàng C, số tiền 10.000.000 đồng với mục đích hỗ trợ vay vốn cho hộ cận nghèo. Thời hạn vay là 58 tháng, lãi suất thỏa thuận 0,72%/tháng, lãi quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ 2.000.000 đồng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/9/2019.

Đối với khoản vay sinh viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C đã phê duyệt, đồng ý cho ông Lê Hoàng D1 vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của Ngân hàng C với số tiền 38.500.000 đồng, giải ngân thành nhiều đợt gồm: Đợt 1 ngày 22/11/2015 giải ngân 11.000.000 đồng; Đợt 2 ngày 22/10/2016 giải ngân 12.500.000 đồng; Đợt 3 ngày 22/10/2017 giải ngân 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Thời hạn vay 54 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng 22/5/2020. Kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần. Số tiền trả nợ 5.500.000 đồng/lần.

{2.2} Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình vay thì ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 có trả cho Ngân hàng khoản vay hộ cận nghèo, số tiền gốc tính đến ngày 22/10/2021 là 3.000.000 đồng, tiền lãi 3.372.230 đồng, kể từ đó cho đến nay không trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Khoản vay sinh viên có đóng lãi được 16.543.358 đồng.

Do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên vào ngày 22/4/2021 và ngày 22/5/2022 bà Đào Kim T2 và ông Lê Hoàng D1 có làm đơn đề nghị gia hạn nợ và được Ngân hàng chính sách xã hội phê duyệt chấp thuận cho gia hạn. Đến hạn trả nợ theo đơn gia hạn thì ông D1 và bà T2 tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng. Ngân hàng trực tiếp xuống làm việc với gia đình ông D1, bà T2 nhưng ông bà không có mặt tại địa phương và cũng không thông báo cho Ngân hàng biết về địa chỉ nơi cư trú mới của mình nên đối với việc vắng mặt của ông D1, bà T2 là cố tình giấu địa chỉ. Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến ngày mở phiên Tòa xét xử, ông D1, bà T2 không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông D1, bà T2 không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nên xem như ông D1, bà T2 mặc nhiên thừa nhận. Do đó, Ngân hàng C khởi kiện đối với ông D1, bà T2 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 11, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/7/2025, buộc ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 trả cho Ngân hàng C là: 56.613.249 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng) cụ thể như sau: Khoản vay hộ cận nghèo số tiền gốc và lãi 11.328.770 đồng (trong đó: tiền gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi 4.328.770 đồng); Khoản vay sinh viên số tiền gốc và lãi 45.284.779 đồng (trong đó: tiền gốc 38.500.000 đồng, tiền lãi 6.784.479 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông D1, bà T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

{2.2} Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ngân hàng C không phải chịu án phí.

- Ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 phải chịu án phí giá ngạch là: 56.613.249 đồng x 5% = 2.830.662 đồng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm d khoản 4 Điều 11, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2.

- Buộc ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 phải thanh toán cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/7/2025 là 56.613.249 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng) cụ thể: Khoản vay hộ cận nghèo số tiền gốc và lãi 11.328.770 đồng (trong đó: tiền gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi 4.328.770 đồng); Khoản vay sinh viên số tiền gốc và lãi 45.284.779 đồng (trong đó: tiền gốc 38.500.000 đồng, tiền lãi 6.784.479 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh

toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hoàng D1, bà Đào Kim T2 phải chịu án phí giá ngạch là: 56.613.249 đồng x 5% = 2.830.662 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; Ngân hàng C được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày (29/7/2025). Ông D1, bà T2 được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh*
- *VKSND khu vực 5*
- *Phòng Thi hành án khu vực 5*
- *UBND xã.*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên